**QŨY ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DC (trước đây là QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VIỆT NAM)**

**MẪU VÀ GIẢI THÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Phần I: Mẫu báo cáo của Công ty quản lý quỹ**

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**QUÝ III.2021**

**I. Thông tin chung về Quỹ**

**1. Mục tiêu của Quỹ:**

Phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ;

**2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là 17.03 **(%)** so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo (tại ngày 30 tháng 06 năm 2021); thay đổi giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ so với giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 1.63**(%)**, Quỹ không có danh mục cơ cấu và chỉ số tham chiếu là

**3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

Chiến lược đầu tư cho quỹ DCBF (tiền thân là Quỹ VFMVFB) là năng động dựa trên cơ sở phân tích cơ bản kinh tế vĩ mô, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê hoặc phân tích cơ bản về doanh nghiệp để đưa ra các quyết định đầu tư sao cho đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục. Riêng đối với trái phiếu doanh nghiệp cần được phân tích ít nhất bằng một mô hình định mức tín nhiệm do đối tác hỗ trợ kỹ thuật và Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư Dragon capital Việt Nam phát triển.

**4. Phân loại Quỹ:** Quỹ công chúng dạng mở

**5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:** Không có

**6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):**Thấp

**7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:** Ngày 10/06/2013

**8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo** (Tại ngày 30/06/2021):

**.** Tổng giá trị tài sản ròng: **954,535,534,631** Việt Nam đồng

**.** Số lượng chứng chỉ quỹ: **43,706,917.51** chứng chỉ quỹ

**9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:** Không có chỉ số tham chiếu

**10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ: Quỹ không phân phối lợi nhuận**

**11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ**: (ở thời điểm báo cáo (N)): không có

**II. Số liệu hoạt động**

1. **Cơ cấu tài sản quỹ (N: Đến thời điểm báo cáo):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **30/09/2021**  **(%)** | **30/09/2020**  **(%)** | **30/09/2019**  **(%)** |
| 1.Danh mục trái phiếu | 36.42% | 22.26% | 37.68% |
| 2.Tài sản khác | 63.58% | 77.74% | 62.32% |
| **Cộng** | **100%** | **100%** | **100%** |

**2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động (N: Đến thời điểm báo cáo):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | **30/09/2021** | **30/09/2020** | **30/09/2019** |
| 2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ | 954,535,534,631 | 750,341,433,734 | 709,699,670,129 |
| 2.2.Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành | 43,706,917.51 | 36,788,116 | 40,519,718 |
| 2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) | 21,839.46 | 20,396.29 | 18989.44 |
| 2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 21,815.27 | 20,396.29 | 18989.44 |
| 2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 21,484.70 | 19549.56 | 17913.11 |
| 2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.9.Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 1.63% | 1.58% | 2.05% |
| 2.9.1.Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | 0.10% | 0.06% | -0.17% |
| 2.9.2.Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 1.53% | 1.52% | 2.23% |
| 2.10.Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| 2.11.Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| 2.12.Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | Không có | Không có | Không có |
| 2.13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 1.40% | 1.20% | 1.30% |
| 2.14.Tốc độ vòng quay danh mục (lần) | 40.33% | 86.50% | 43.34% |

● *Tốc độ vòng quay danh mục: Có thể thuyết minh những nhân tố ảnh hưởng.*

**3.Tăng trưởng qua các thời kỳ: 0.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)** |
| - 1 năm | 7.08% | 7.08% |
| - 3 năm | 24.69% | 7.41% |
| - Từ khi thành lập | 118.35% | 8.41% |
| - Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu | Không có chỉ số tham chiếu | Không có chỉ số tham chiếu |

**4. Tăng trưởng hàng năm:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thời kỳ | **30/09/2021**  **(%)** | **30/09/2020**  **(%)** | **30/09/2019**  **(%)** |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ | 7.08% | 7.41% | 8.41% |

*Ghi chú: Số liệu tăng trưởng cần phải phản ánh theo thời điểm có tính so sánh. Ví dụ tại thời điểm 31/12 thì các số liệu của các năm đưa vào biểu phải đảm bảo có tính so sánh là đều tại 31/12 hàng năm.*

**III. Mô tả thị trường trong kỳ:**

Trong tháng 9, Kho bạc Nhà nước đã tổ chức 20 phiên đấu thầu TPCP với tổng giá trị gọi thầu là 48.000 tỷ đồng, tổng giá trị dự thầu là 91.414 tỷ đồng và phát hành 38.458 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ trúng thầu là 80,1% (tháng 8 là 76,7%). Tính đến hết tháng 9, VST đã hoàn thành 85,6% kế hoạch phát hành sơ cấp quý 3 và 69,8% kế hoạch cả năm. Trái phiếu có kỳ hạn 15 và 10 năm có tính thanh khoản cao nhất. Giá trị giao dịch trên thị trường thứ cấp tăng đáng kể so với tháng 8 (giá trị giao dịch outright là 175.232 tỷ đồng trong tháng 9, tức là tăng 32% so với tháng trước và giá trị repo tăng 38% so với tháng trước). Giá trị giao dịch outright bình quân hàng ngày là 8762 tỷ đồng (+45% so với tháng trước). Lợi suất trên thị trường thứ cấp trong tháng 9 cao hơn so với tháng 8 đối với tất cả các kỳ hạn trái phiếu. Lợi suất vào cuối tháng 9 năm 2021 thấp hơn từ 52 đến 79 điểm cơ bản so với mức tương ứng của tháng 9 năm 2020 đối với trái phiếu có kỳ hạn từ 5 đến 30 năm.

**PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ THÁNG 9 VÀ LŨY KẾ 9 THÁNG NĂM 2021**



Trong tháng 9 có 42 đợt phát hành TPDN (tất cả các đợt phát hành riêng lẻ) với số tiền phát hành là 29,743 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng năm 2021, tổng số 596 trái phiếu phát hành riêng lẻ của doanh nghiệp trong nước đã được phát hành với tổng giá trị 329.767 nghìn tỷ đồng. Chỉ có 14 trái phiếu được phát hành công khai (11.584 tỷ đồng). Trong tháng 9, trái phiếu được phát hành chủ yếu ở các kỳ hạn 3 và 5 năm, trái phiếu kỳ hạn 8 năm cũng có số lượng lớn trong tháng 9 do các đợt phát hành của các ngân hàng. Các lĩnh vực ngân hàng và bất động sản là những tổ chức phát hành lớn trong tháng 9 (giống với các tháng trước năm 2021) và các ngân hàng đã phát hành 47% (trong tháng 8 là 41,6%) tổng giá trị phát hành trong tháng. Lợi suất trái phiếu doanh nghiệp hầu như không thay đổi trong tháng 9 so với tháng 8.

**Text

Description automatically generatedA screenshot of a computer

Description automatically generated with low confidence**

**Chart, pie chart

Description automatically generatedChart, bar chart

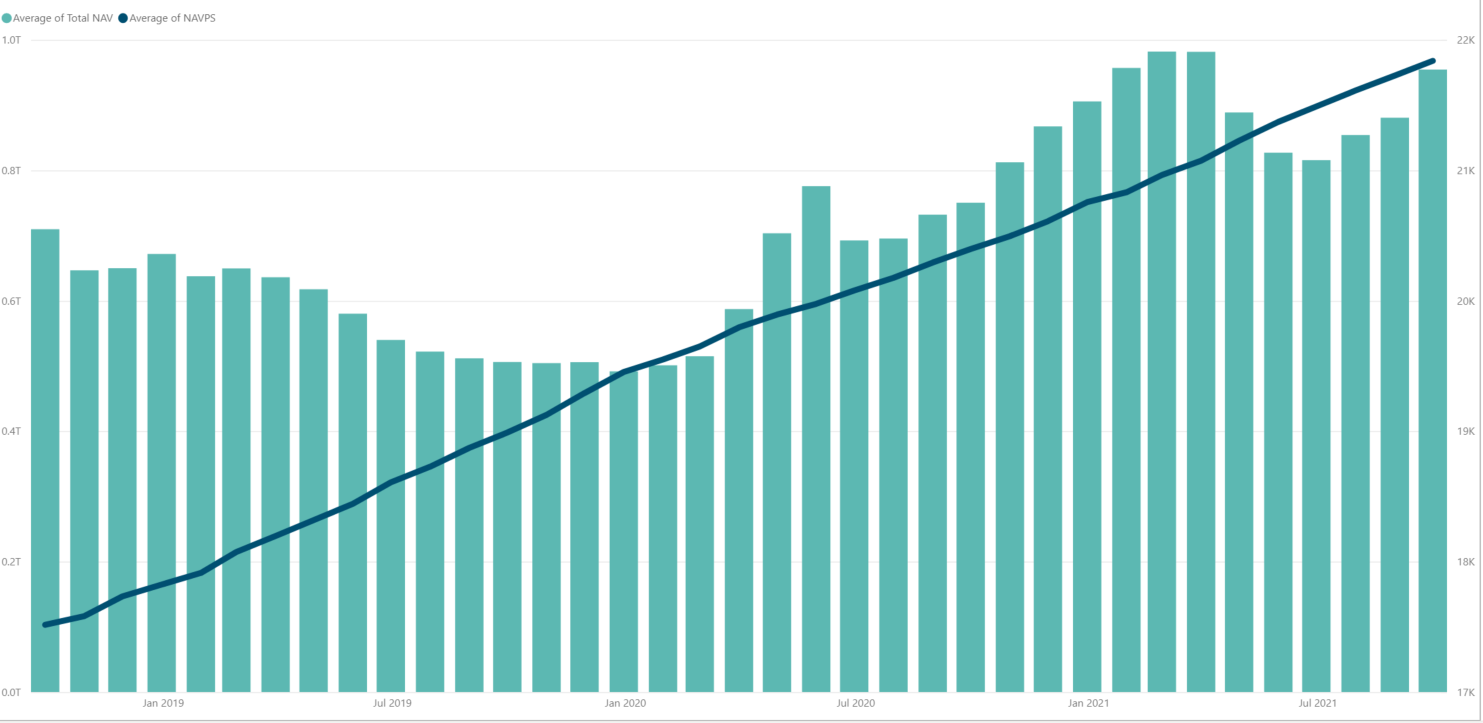
Description automatically generated**

**IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ**:

**4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | 1 năm đến thời điểm báo cáo (%) | 3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%) | Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%) |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 6.80% | 18.70% | 59.43% |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | 0.27% | -1.26% | 58.97% |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | 7.08% | 17.44% | 118.39% |
| Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ | 7.08% | 7.63% | 9.92% |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | Không có | Không có | Không có |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất:



● Thay đổi giá trị tài sản ròng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | **30/09/2021** | **30/09/2020** | Tỷ lệ thay đổi |
| A | 1 | 2 | 3=((1)-(2))/(2) |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 954,535,534,631 | 750,341,433,734 | 27.21% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 21,839.46 | 20,396.29 | 7.08% |

Kèm theo thuyết minh về sự tăng giảm quy mô Quỹ, giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ và chỉ rõ nguyên nhân:

Tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2021, giá trị tài sản ròng của đơn vị quỹ DCBF (NAV/đơn vị) ở mức 21.726,73đồng, tăng 0,52% trong tháng 9 (tháng 8 và tháng 7 tăng 0,53%/tháng) và tăng 5,22% so với đầu năm. Mức tăng trưởng trong tháng 7 của DCBF tốt hơn mức tăng của chỉ số tham chiếu nội bộ (Chỉ số tổng thu nhập TPCP kỳ hạn 3 năm do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - HNX công bố) tăng 0,25% trong tháng và tăng 0,82% sau 9 tháng. Vào ngày 30 tháng 9 năm 2021, tăng trưởng NAV/đơn vị trong 12 tháng của DCBF là 7,08%. Tháng 9/2021, DCBF phát hành 5,09 triệu chứng chỉ quỹ (CCQ) mới với giá trị 110,77 tỷ đồng và mua lại 1,92 triệu đơn vị, dẫn đến giá trị phát hành chứng chỉ quỹ ròng là 69 tỷ đồng (tháng tháng 8 và tháng 7 Quỹ phát hành ròng tương ứng số chứng chỉ quỹ trị giá là 21,9 và 33,7 tỷ đồng). Việc quỹ DCBF phát hành ròng CCQ trong tháng 3 tháng liên tiếp và kết quả đầu tư đã làm tăng tổng tài sản của quỹ từ mức 830 tỷ đồng vào ngày 30/6/2021 lên mức 962 tỷ đồng vào ngày 30/9/2021.

Tại thời điểm cuối tháng 9, tỷ trọng của các khoản đầu tư của quỹ DCBF vào trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) và chứng chỉ tiền gửi giảm do quy mô quỹ lớn hơn và các khoản đầu tư đáo hạn trong khi không có khoản đầu tư mới nào được thực hiện. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, DCBF đầu tư 37% (cuối tháng 8 là 40,8%) tổng tài sản vào trái phiếu doanh nghiệp và 38,2% (tháng 8: 43%) vào chứng chỉ tiền gửi. DCBF có giao dịch mua TPCP vào cuối tháng 9. Đồng thời, tỷ trọng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng tại thời điểm cuối tháng 9 là 20,7%, tăng từ mức 16,3% của cuối tháng 8. Trong tháng 10, DCBF có kế hoạch bán một số khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp và đầu tư vào trái phiếu mới. Điều này sẽ làm tăng tỷ trọng đầu tư vào TPDN và khả năng các khoản đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi sẽ tiếp tục giảm khi số chứng chỉ tiền gửi hiện đang nắm giữ đáo hạn.

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quy mô nắm giữ (Đơn vị) | Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ | Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Dưới 5000 | 1486 | 939,275.39 | 2.15% |
| Từ 5000 - 10,000 | 78 | 584,197.3 | 1.34% |
| Từ 10,000 đến 50,000 | 263 | 7,330,083.96 | 16.77% |
| Từ 50,000 đến 500,000 | 177 | 21,407,877.71 | 48.98% |
| Trên 500,000 | 7 | 13,445,483.15 | 30.76% |
| **Tổng cộng** | **2,011** | 43,706,917.51 | **100%** |

*Ghi chú: Trình bày tình hình nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư từ ít nhất đến nhiều nhất,*

**5,** **Chi phí ngầm và giảm giá**

Không có

**V. Thông tin về triển vọng thị trường:**

* Thị trường TPCP có xu hướng tăng lãi suất.
* Thanh khoản thị trường TPCP tiếp tục được duy trì tốt.
* Giao dịch tập trung vào TPCP kỳ hạn 10 và 15 năm.
* Cầu đối với TPDN rất cao.

**VI. Thông tin khác**

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ, và Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ

Thông tin gồm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tên | Chức vụ | Bằng cấp | Quá trình công tác |
| Nhân sự điều hành Quỹ DCBF | Lương Thị Mỹ Hạnh | Giám đốc quản lý tài sản , khối trong nước | Thạc sỹ Kinh tế | -Từ 2010 đến 12/03/2021: Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam.  -Từ 12/03/2021 đến nay là Giám đốc Quản lý tài sản, khối trong nước Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam |
| Trần Lê Minh | Giám đốc chi nhánh Hà Nội | Thạc sỹ Quản trị Tài chính | Từ 2011 đến 12/03/2021: Phó Tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam.  -Từ 12/03/2021 đến nay Giám đốc chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam |
|  | | | | |
| Ban đại diện Quỹ | Nguyễn Bội Hồng Lê | Chủ tịch | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh | * Từ 2010 đến 2012: Trưởng phòng giao dịch chứng khoán công ty CP chứng khoán dầu khí * Từ 2012 đến nay: Chuyên gia Kinh tế và Quản lý dầu khí Viện Dầu khí Việt Nam |
| Lê Thị Thu Hương | Thành viên | Cử nhân Kế toán – Kiểm toán | * Từ 2011 đến 2012: Phó giám đốc công ty TNHH kiểm toán AS   Từ 2012 đến 2020: Phó Tổng giám đốc công ty TNHH kiểm toán Đại Tín.  Từ 2020 đến nay:  Sáng lập viên & Giám đốc Công ty TNHH kiểm toán Chuẩn Vàng. |
| Phạm Thị Thanh Thúy | Thành viên | Luật Sư | * Từ 2010 đến 01/01/2021: Trưởng phòng Pháp chế tuân thủ * Từ 01/01/2021: đến nay là luật sư tư vấn nội bộ Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam. |
|  | | | | |
| Ban điều hành Công ty Quản lý quỹ | Ông Beat Schurch | Tổng Giám đốc | Thạc sỹ kinh tế | * Từ 30/12/2020 đến nay: Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam |
|  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| *Tp HCM, ngày 19 tháng 10 năm 2021* Giám đốc điều hành Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư  ***Nguyễn Minh Đăng Khánh*** |  |